

10. Câu phủ định (negation)

Để tạo câu phủ định đặt *not* sau trợ động từ hoặc động từ *be*. Nếu không có trợ động từ hoặc động từ *be* thì dùng dạng thức thích hợp của *do*, *does* hoặc *did* để thay thế.

John is rich => John is not rich.

Mark has seen Bill => Mark has not seen Bill

Mary can swim => Mary cannot swim.

I went to the store yesterday => I did not go to the store yesterday.

Mark likes spinach => Mark doesn't like spinach.

I want to leave now => I don't want to leave now.

10.1 Some/any:

Đặt *any* đằng trước danh từ làm vị ngữ sẽ nhấn mạnh câu phủ định. Cũng có thể nhấn mạnh một câu phủ định bằng cách dùng *no* + *danh từ* hoặc *a single* + *danh từ số ít*.

John has some money => John doesn't have any money.

He sold some magazines yesterday => He didn't sell a single magazine yesterday.

= He sold no magazine yesterday.

10.2 Một số các câu hỏi ở dạng phủ định lại mang ý nghĩa khác (không dùng dấu ?):

- Nhấn mạnh cho sự khẳng định của người nói.

Shouldn't you put on your hat, too! : Thế thì anh cũng đội luôn mũ vào đi.

Didn't you say that you would come to the party tonight: Thế anh đã chẳng nói là anh đi dự tiệc tối nay hay sao.

- Dùng để tán dương

Wasn't the weather wonderful yesterday: Thời tiết hôm qua đẹp tuyệt vời.

Wouldn't it be nice if we didn't have to work on Friday.

Thật là tuyệt vời khi chúng ta không phải làm việc ngày thứ 6.

10.3 Hai lần phủ định

Negative + Negative = Positive (Mang ý nghĩa nhấn mạnh)

It's unbelievable he is not rich. (Chẳng ai có thể tin được là anh ta lại không giàu có.)

10.4 Phủ định kết hợp với so sánh

Negative + comparative (more/ less) = superlative (Mang nghĩa so sánh tuyệt đối)

I couldn't agree with you less = I absolutely agree with you.

You couldn't have gone to the beach on a better day = It's the best day to go to the beach.

Nhưng phải hết sức cẩn thận vì :

He couldn't have been more unfriendly when I met him first. = the most unfriendly

The surgery couldn't have been more unnecessary. = absolutely unnecessary

10.5 Cấu trúc phủ định song song

Negative... even/still less/much less + noun/ verb in simple form: không ... mà lại càng không.

These students don't like reading novel, much less textbook.

Những sinh viên này chẳng thích đọc tiểu thuyết, chứ chưa nói đến sách giáo khoa.

It's unbelievable how he could have survived such a freefall, much less live to tell about it on television.

Thật không thể tin được anh ta lại có thể sống sót sau cú rơi tự do đó, chứ đừng nói đến chuyện lên TV kể về nó.

10.6 Phủ định không dùng thể phủ định của động từ

Một số các phó từ trong tiếng Anh mang nghĩa phủ định (negative adverb), khi đã dùng nó thì trong câu không dùng cấu tạo phủ định của động từ nữa:

Hardly, barely, scarcely = almost nothing/ almost not at all = hầu như không.

Hardly ever, seldom, rarely = almost never = hầu như không bao giờ.

subject + negative adverb + positive verb

subject + to be + negative adverb

John rarely comes to class on time. (John chẳng mấy khi đến lớp đúng giờ)

Tom hardly studied last night. (Tôm chẳng học gì tối qua)

She scarcely remembers the accident. (Cô ấy khó mà nhớ được vụ tai nạn)

We seldom see photos of these animals. (Chúng tôi hiếm khi thấy ảnh của những động vật này)

*Lưu ý rằng các phó từ này không mang nghĩa phủ định hoàn toàn mà mang nghĩa gần như phủ định. Đặc biệt là những từ như *barely* và *scarcely* khi đi với những từ như *enough* và *only* hoặc những thành ngữ chỉ sự chính xác.

- Do you have enough money for the tuition fee?

- Only barely. Vừa đủ.

10.7 Thể phủ định của một số động từ đặc biệt

Đối với những động từ như *to think*, *to believe*, *to suppose*, *to imagine* + *that* + *sentense*. Khi chuyển sang câu phủ định, phải cấu tạo phủ định ở các động từ đó, không được cấu tạo phủ định ở mệnh đề thứ hai.

I don't think you came to class yesterday. (Không dùng: I think you didn't come to class yesterday)

I don't believe she stays at home now.

10.8 No matter

No matter + *who/what/which/where/when/how* + Subject + verb in present: Dù có... đi chăng nữa... thì

No matter who telephones, say I'm out.

Cho dù là ai gọi đến thì hãy bảo là tôi đi vắng.

No matter where you go, you will find Coca-Cola.

Cho dù anh có đi đến đâu, anh cũng sẽ thấy nhãn hiệu Coca-Cola

No matter who = whoever; No matter what = whatever

No matter what (whatever) you say, I won't believe you.

Cho dù anh có nói gì đi chăng nữa, tôi cũng không tin anh.

Các cấu trúc này có thể đứng cuối câu mà không cần có mệnh đề theo sau:

I will always love you, no matter what.

10.9 Cách dùng **Not ... at all; at all**

Not ... at all: Chẳng chút nào. Chúng thường đứng cuối câu phủ định

I didn't understand anything at all.

She was hardly frightened at all

At all còn được dùng trong câu hỏi, đặc biệt với những từ như *if/ever/any...*

Do you play poker at all? (Anh có chơi bài poker được chứ?)